TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 150/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-7-2020.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi.

2. Ông La Văn Việt.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Cương - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 488/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2020 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/5/2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc T sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, bà và ông T sống ly T từ tháng 02 năm 2020 cho đế nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn ông T.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Ông trình bày về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly T, về con chung, tài sản chung, nợ chung như bà C đã trình bày. Vợ chồng chung sống tuy có phát sinh mâu thuẫn nên sống ly T từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly T ông có nhiều lần gọi điện thoại cho bà C để quay về chung sống nhưng bà C không đồng ý. Nay bà C xin ly hôn ông không đồng ý vì vẫn còn thương vợ.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Ông tự thỏa thuận với bà C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tòa án sau khi thụ lý vụ án đã tiến hành hòa giải nhưng kết quả không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, ông T hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa bà C và ông T được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, bà C và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà C xin ly hôn ông T. Ngược lại, ông T không đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy bà C và ông T chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn và sống ly T từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Từ khi sống ly T cho đến nay, bà C và ông T không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ nên bà C cương quyết xin ly hôn. Ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà C xin ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C đối với ông T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Bà C tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà C và ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Ngọc T về việc "ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, bà C được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005328 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
- UBND xã Lộc Giang;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên